

TRITÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

* Hoàng-Điệu (1828-1832)

* Hội-họa Việt-nam-niên-lại

* Tài liệu đồ định chính văn cổ (LXXXV)

* Tùy-hùng

* Dương-bá-Trạc dã qua đời!

* Việt-nam văn-học-sử (VI)

* Tháp-bình sơn với Ngũ-đồ-Chiến (II)

* Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà...

* Đại Nam đặt sự (LVI)

* Anst (tiền-thuyết) XXXVII

Khuê-Trai

Nguyễn-văn-Ty

Nguyễn-văn-Tô

Nhật-Nham

Thất-Lang

Ưng-Hồ

Biệt-Lam Trần-huy-Bá

Hoa-Bằng

Nguyễn-văn-Tô

Nguyễn-huy-Tường

070



Một nhà liệt-sĩ chết theo thành Hà-nội

Hoàng Diệu

(1828-1882)

Bài này của ông Khuê-trai, người làng Đừ-mỹ, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng nam, in trong giải nhì cuộc thi « Lịch-sử ký sự » do Trại-Tân-lô-phức hồi năm 1911. Đến nay mới có dịp đăng được. Sau khi ra trọn bài này, Trại-Tân sẽ lần lượt đăng tiếp bài « Sự thực về việc nhà thành Hà-nội nắm nhậm-nợ » của Tiến-Đàm và bài « Những thơ văn quanh việc Hoàng Diệu tử trung » của Hoa-Bằng để mong góp chút tài-liệu về trang sử cận đại. Xin độc giả nhớ đón coi. — T. T.

« Nhớ quan Tổng-đốc họ Hoàng,
Thắng bà nhậm-nợ tiếng vang trung-thần »
(Đại-Việt địa-dư. — Lương-văn-Can)

Họ Hoàng Xuân - đài. — Ở Quảng-nam bấy giờ, mỗi khi bàn đến văn-vật, trong xứ, người ta không quên nhắc tới tại ngôi sao chói lọi của thời xưa: họ Nguyễn Túy-la và họ Hoàng Xuân-dài.

Hai họ này, nghèo khó, đang ăn-nóp trong đám bình dân, mà sở dĩ bỗng-nhiên được người người trầm-trồ khen phục là vì họ Nguyễn đã vẽ ra năm cái tên trên tấm bia Văn-thánh: một cử-nhơn, bốn tú-tài và họ Hoàng sáu tên: một phó-bằng, ba cử-nhơn, hai tú-tài (1)! Đại-biêu của họ Nguyễn là cụ Nguyễn-thành-Ý (ở Quảng thường gọi là cụ Thượng Túy-la); còn đại-biêu của họ Hoàng là cụ Hoàng Diệu (tục gọi là cụ Thượng Xuân-dài).

Cụ Hoàng Diệu, tự là Quang-vấn, hiệu là Tỉnh-trai, người làng Xuân-dài, phủ Điện-bà (hồi trước là Biên-phước huyện), tỉnh Quảng-nam, sinh ngày mồng mười tháng

hai nguyệt kỷ-sử (1828, Minh-mang 10). Thân-phụ làm việc làng, chết sớm (tục thường gọi là Hương Huê). Cụ có bảy anh em trai cả thảy: một người thông-minh xuất chúng mất hồi 15 tuổi, còn 6 người đều đỗ-dạt.

Người anh cả là Hoàng-kim-Giám cũng cụ đồ cử-nhân khoa Mậu-thân (1848 Tự-đức thứ nhất) năm cụ 20 tuổi; nhưng vì bài văn của hai anh em có chỗ giống nhau nên phải thi lại. Sau hai người nữa đậu. Vua Tự-đức có phê-rằng: « Văn hành công khí, qui đặc chân tài, haynh đề đồng khoa thành vì mỹ sự », nghĩa là: « Cái câu văn-chương là của công, qui được biệt tài. Anh em đậu đồng khoa là một việc tốt » (2). Đến năm 25 tuổi, cụ Hoàng Diệu đi thi Hội — khoa quý-sử (Tự-đức 6: 1853) — vô dến Đình, nhưng sau phúc-hạch bị trượt xuống phó-bằng (3). Cụ Hoàng-kim-Giám công danh chưa

toại thì đã ba lần. Em về của cụ Hoàng Diệu là Hoàng-văn-Bằng đỗ cử-nhân, làm quan đến án sát. Người em thứ là Hoàng-Chấn cũng đỗ cử-nhân, làm quan đến đốc-học. Hai người nữa là Hoàng Đạt và Hoàng Đình: một người đỗ tú-tài hai lần, một người ba lần.

Bước hoạn đồ (3). — Lúc đầu, cụ Hoàng Diệu ra làm tri-phủ phủ Tuy-phước rồi phủ Tuy-viên thuộc tỉnh Bình-dịnh (4). Như có việc, bị giáng (5) xuống tri-buện Hương-trà (Thừa-thiên). Rồi được thăng tri-phủ Lạng-giang, Đa-phước thuộc Bắc-ninh. Ở đây, cụ được tiếng tốt, nên được thăng án-sát Nam-dịnh. Được ít lâu dân Bắc-ninh xin vua đổi cụ sang án sát tỉnh ấy; kể đó cụ được thăng Bố-chánh Bắc-ninh. Ở án-sát và bố-chánh Bắc-ninh tất cả 9 năm, cụ dốc lòng trị dân, dẹp loạn nên vua Tự-đức có khen rằng: « Bắc-ninh chỉ dân phé,

Hoàng Diệu bất năng » nghĩa là: « Dân Bắc-ninh, không Hoàng Diệu chẳng đáng. » Năm Tự-đức 30 (5) — 1877 — cụ được thăng tham-tri bộ Hình; sau cái qua

tham-tri bộ Lại, vừa coi viện Đô-sát và được dự vào hội-dồng Cơ mật. Đến năm tự-đức 31 (6) — 1878 — ở Quảng-nam bị nạn đói, vua sai cụ làm khanh-sai về xử thuế-tiền. Xong việc, cụ được ở tể-phủ Quảng-nam. Năm 1879 (7) cụ được thăng tống-dốc An-tĩnh (Nghệ-an — Hà-tĩnh); không được một tháng, cụ phải về Kinh-sung, được phó toàn-quyền đại-thần, để thương-giác với sứ-thần Pháp-nhà và được sứ-thần nước ấy tặng huân-chương hạng nhì. Năm Tự-đức 33 (7) — 1880 — tỉnh thế ngoài Bắc đang cơn đói, rồi cụ được cái trách-nhiệm nặng-nề, ra làm tống-dốc Hà-Ninh (Hà-nội — Ninh-bình) với chức Bình-bộ-phương-thư, kiêm coi việc thương-chánh. Khi cụ ra Hà-nội, vua Tự-đức có ban cho mẹ cụ phẩm cấp, quế, thanh, bạc, lương, hàng lụa, v.v. Cụ có dâng sớ tạ ơn, đại ý nói rằng: « Vì bận việc nước nên thần chưa dám lo việc nhà (quốc sự trọng hữu vị hoạn gia đình hề cố), mà nay Bệ-hạ ban cho mẹ thần thì thần xin hối lỗi làm việc lợi cho nước để báo ơn (hữu lợi vị quốc tắc vị chi, thứ thiếu đáp thiên gia chi huông). » Vua lại được phê rằng: « Về nhà thì lưu, đến lúc hành công thì, khải đã ứng nghĩa là: « Nạn không hoạn, về thì ở nhà, hành công thì làm cho lợi nước với lợi nhà thì khó. » (8)

Cả đời làm quan, cụ khi nào cũng giữ công minh và thanh-liêm. Tánh cương-trực lại quả quyết. Ai cũng khen cụ có cái phong-thể của một vị đại-thần (8). Làm quan đến thế, mà nhà cụ chẳng có vẻ gì là quan, là sang cả. Thường cụ hay dạy con cháu sau phải lo mà tự lập, chớ nản ý lại vào cha; và có lần, hai ông tú em xin cụ ban « Tứ thập » để được bỏ dưng cụ cụ không cho mà bảo rằng: « Ra cướp thiên hạ sao? » (9). Xem vậy, đủ biết cụ là người thế nào.

Việc nhân-tế Quảng-nam (10) Năm Tự-đức 31 (1878) Quảng-nam bị một cái thiên-tai rất nặng: trận lụt năm mậu-dần.

Trận lụt tại đây dân Quảng đã cho tên là « lụt bất quá », lấy nghĩa rằng khi nước mới vào nhà, ai cũng bảo: « Bất quá nước ngập rầm là cùng! » Rồi nước ngập rầm; người ta lại bảo: « Bất quá nước ngập, ban là cùng! » Nước lại ngập, ban người ta lại bảo: « Bất quá nước ngập nhà ta cùng! » Rồi nước lại ngập cả nhà cửa. Ai cũng không ngờ rằng lụt ta đến thế.

Sau trận lụt nhà màng mả sạch. Ngày nào ra đồng cũng thấy chết thươg tâm. Những thân-hình đã bỏ lâu trong ruộng chết hoặc đang chết vì đói. Vì đói quá họ ra đồng để kiếm cây rau củ có đỡ đói rồi họ bỏ mạng ở đấy! Nghèo đói thì sinh ra trộm cướp, lẽ là nhiên.

Năm ấy, đang ở tham-tri bộ Lại, cụ Hoàng Diệu được về xử chấp-tể với cây cờ « Tể-nghị hành sự » và quyền « liên-trảm hậu

tấn » (11). Cụ đồa-lông làm tròn phận-sự, nên dân-gian còn nhớ ơn cụ. Có hai việc này còn truyền tụng:

1) Giết một tên cường đạo. — Thuở ấy, ở làng Giáo-ái (thuộc phủ Điện-bàn), có một người vô đồng tên là Hương Phi thường hay bắt dật loạn, cướp đồ, lấy của của dân trong vùng mà không dám nói. Biết được cụ Hoàng Diệu lẽ bắt chém tên ấy tại làng Giáo-ái để cứu bọn hung-dô. Từ đây, dân-gian ai cũng yên-đan, làm ăn vì chẳng còn cướp bóc nữa.

(Xem tiếp trang 14)

1) Khi trước ở Quảng-Nam và có thể nghĩ như ở các tỉnh khác, mỗi phủ huyện đều có lập một cái miếu Văn-thánh, trong miếu có bôn đẽ khắc lên những người khoa-mạo.

2) Theo Gia-phổ họ Hoàng.

3) Đoạn này phần nhiều làm theo gia-phổ vì thấy gia-phổ nói rõ.

4) Theo Gia-phổ. — Trong Đại Nam chính biên liệt-truyền tập 2, quyển 38, chỗ « chú-thức liệt-truyền nhì thập bát Hoàng Diệu, đại: Văn-Bảng, Chấn phạ » thì là: phủ Đồng-sơn, Tây-phước, huyện Giáo-định (Binh-dinh).

5) Theo Đ. N. C. B. L. T.

6) Trong Gia-phổ và trong Đ. N. C. B. L. T. không nói năm nào, song theo tôi xét là năm 1879, vì năm ấy có sứ thần Tây-ban-nha đến Huế Xê-ba-đê Sĩ bộ Tây-ban-nha sang Việt-nam» (Tri-lân số 10).

(7) Theo Đ. N. C. B. L. T.

(8) Theo Đ. N. C. B. L. T.

(9) Theo lời người chép dịch-lời của cụ là ông Hoàng Kiêm kể lại.

(10) Tại liên-trong đoạn này toàn là tài liệu sống và tài liệu cổ-lão lẫn lộn, nhất là một số tới năm nay (11) Theo Gia-phổ và Đ. N. C. B. L. T.

Thư gửi cho bạn phương xa về

HỘI-HỌA VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

Họa-sĩ NGUYỄN-VAN-TY

Aah...

Anh hãy tạm nhận ở đây cũng tôi những ý tưởng hằng ngày thường đến lần đi và tâm trí cũng việc làm, những ý tưởng tuy rời rã, không nối liền cũng nên, nhưng chính là dấu mối một dặm đường gai góc cần vượt qua để tới một quang trời sáng hơn trong Nghệ-thuật chúng ta.

Sức báng hái cạnh tranh của thiên hạ đang tạo tác trong rừng gươm đạn-máy thay ở đây, nguồn sống chỉ còn mảnh liệt trên nét bút sáng tác nên những thế-giới huy hoàng bày uẩn, Nguồn sống chung đúc đó bất ngờ xây nên một cơ sở vững chãi cho mỹ-thuật Việt-nam, chỉ đợi dịp để hưng khởi hơn người.

Ít lâu nay nỗi lo âu liên tiếp bất tri óc tôi suy nghĩ nhiều về hội-họa. Chính bọn mình dường như đã thoát hình hài để trút bỏ hết nỗi lòng ràng buộc, nỗi bức tức u uất trên sợi tơ hay mảnh giấy. Cả tâm hồn lung lạc lay động trên màu sắc. Kết quả là ta mới chỉ tạo nên những ảo tưởng quái dị; ta vẫn chưa thoát khỏi cái ta muốn nắm là-là trên mặt đất. Ta đã biến thể trên tấm gỗ hay mảnh vải vô giác như ta phá cả đến những vật vô tri như vẫn phải hủy hoại tận gốc mỗi cái gì dễ thỏa mãn lòng ham mê màu sắc, nhịp điệu để anh tôi

bực tức điên đại sửa một tâm hồn không đủ nơi chứa đựng.

Tôi nhận thấy bọn ta: có nhiều tư tưởng tiên phong về hội họa quá để cái tay vụng dại của mình không theo kịp cái đà trí-thức được. Còn đường nghệ thuật như một cây đàn khi làm giới. Anh ạ, phong trào các môn phái không biết có hợp với ta nữa không? Tôi tưởng không ai đoán được và lập hệ-thống trong hội-họa trước khi các tác phẩm ra đời. Một nỗi băn khoăn như tôi có nên tránh khỏi ảnh hưởng các trường ấy không?

Tương lai đẹp đẽ sẽ đến với ta sau nếu một lòng ta nguyện ước cái Đẹp và chân thành, ta tìm tới ở chính ta để đến chiêm ngưỡng vị thần Mỹ-lệ ấy. Ta hãy dốc lòng theo đuổi cái Đẹp như người xưa thờ phụng một vị đức thần.

Nhưng tiếc thay, khi lạc tổng vào những đường mới của hội họa ta càng thấy xa người xung quanh quá, có phải không anh? Tư-tưởng tầm-mỹ tiến quá mau trong bọn tôi đồ trong khi nền phổ thông các khoa thường thức vẫn còn nặng nề trong tác tăng trí-thức: cái buồn học "trí-thức" làm khi thừa thãi dễ quên lãng cả tâm hồn và tình-cảm, nay mới

dây liên tục đang để tìm hiểu đến tác-phẩm hội họa. Một phương pháp phổ-thông rộng rãi của đến để phân giải những âm luật, hình thể của hội họa cũng như về âm nhạc hay văn-chương. Tác phẩm của nghệ-sĩ tạo ra có phải chỉ để cho những thế-hệ sau mới hiểu được đâu

Anh hãy đọc cùng tôi những lời của một bạn thân thiện cho những nghệ-sĩ đã qua: Tôi đang nghĩ đến số phận của nhiều họa-phẩm tạo vào những thế kỷ trước chúng ta: lúc người sinh ra chúng còn sống đấy thì chẳng ai nhìn đến; đợi đến lúc người cha tinh thần của chúng ngã xuống rồi thì người đời mới nhao nhao lên mà đánh lấy để bày vào các thị-sảnh hay bảo tàng. Có những nghệ-tự-de phải vĩnh-viễn gieo lấy cái dấu hiệu của vụng dại trong sự chung đứng hằng ngày. Đây là một đặc điểm nên giữ lấy để làm vui cho xung-quanh hay là nên bỏ đi để định lấy một cuộc đời mới trước cho mình?..."

Đây, anh xem có những họa phẩm quý nhưng chưa được công nhận đã đi nhanh quá, phải chờ đợi ánh thế kỷ sau mới có người nhận thành hướng đạo. Đó chẳng phải là một phần thưởng vai trò cho chúng ta hay sao? Anh hãy thử đi với nhân cái vui Mỹ đi có hơn là lúc nào cũng đau khổ suy

nghĩ về nghệ. Người ta trách họ ta vụng tính, lăm đường để tạo thành một nhóm người vô ích, lạc lõng. Nhưng nếu ta biết tính toán cho khéo, biết sống như một nhà hiền-triết hay luân-lý thì ta đã chẳng dùng đến cán bút để vẽ tranh nữa rồi.

Tôi sẽ lần lượt kể để anh biết những câu chuyện tôi vừa được nghe về tính cách Việt-Nam trong hội-họa và họ mình có cần phải có một quan niệm riêng về hội-họa hay không.

Đây tôi kể làm thí dụ một buổi nói chuyện để anh nghe. Hôm ấy nhân một câu chuyện về thẩm mỹ, một ông bạn họa sĩ khởi đầu:

— Tôi không chịu nghệ-thuật mình phải có tính cách Việt nam như nhiều người thường tuyên bố trái lại, nghệ thuật phải có tính cách đại-dồng, không phân-biệt xứ-sở, nghệ-thuật là để biểu trưng cho cả mọi người.

Và tôi đã trả lời:

— Tôi hiểu như vậy lắm; khi đã gọi là nghệ thuật, sao còn phân biệt cách từng xứ một. Nhưng khi người nào đã thoát khỏi cái cương giới, địa-bạt của mình, để đạt tới một ý niệm cao quý gì cũng phải có một cái tội gốc nó đã ràng buộc hoặc chi phối những ý nghĩ đầu tiên của mình. Anh có tin rằng cái Tốt, cái Đẹp lấy gậy không phải là kết quả của ba mươi cái Tốt, cái Đẹp ngưng đọng từ bao nhiêu đời trước không? Dù mình không nghĩ tới, dù lúc nào mình cũng chỉ ở hết bản năng thôi vắng

tác, mình vẫn mang theo chút di tích của giống máu mình nó ghi lại trên các công việc hằng ngày. Cái cá tính của mình vẫn không sao xóa nhòa được trên tấm tranh — cái cá tính nó đã bắt nguồn ở đất nước xứ sở hằng bao thế kỷ rồi. Anh bảo đại-dồng ở một quan niệm hay tư tưởng nào thì được, chứ như cái Đẹp ở nghệ thuật đâu phải nguyên một mối: cái Đẹp nó vẫn nguyên phức tạp và cái giá trị lại ở chỗ khác nhau đó mà thôi. Anh xem Velasquez hay Goya có vẽ như Rubens hay Rembrandt đâu, các họa sĩ Mane Renoir có giống như Titien hay Botticelli đâu. Và lại nghệ sĩ nơi đây hay quen luyện những vẻ đẹp ở các phương trời khác, Âu-Âm những tình cảm ở đất nước lạ lùng. Nếu đi đến đâu, nhà nghệ-sĩ cũng gặp một vẻ đẹp duy nhất nghiêm trang ngự trên bàn thờ Nghệ-thuật thì câu ròn cái kỹ thuật của sáng tác nữa. Tôi dụ như anh đã biết, Fujita thực đã thoát hẳn ra ngoài quốc giới, mà tại sao cái cá tính Nhật-bản vẫn không bao giờ mất.

Bạn tôi lại tiếp:

— Một mai đây thế giới thay đổi về đủ mọi phương diện, khi người ta có thể đi khắp lục cầu nội trong tuần lễ, nghệ thuật sẽ bị ảnh hưởng của đời thực-tế, cái cá tính địa phương sẽ mất đi, nghĩa là nghệ-thuật của mình cần gì phải có thể cách Việt-Nam.

— Người ta chỉ có thể duy-nhất các vấn đề kinh-tế, hay chính-trị mà thôi, chứ nghệ thuật là phản-ảnh của tính tình, của

hoàn cảnh đất nước thì duy nhất thế nào được? Ngay đến đến thể địa-dư của các nước trên hoàn cầu có cho ta sự đồng-hóa ấy đâu. Nếu như anh định cho nghệ-thuật một qui-định riêng để theo đuổi một mục đích có ích, chung cho cả mọi người thì cái khuôn sáo kia sẽ dần chết. Nghệ thuật xuống vực khô khan mà thôi. Cái gì không hợp với mình không thể đến để sai khiến hay bắt buộc mình trong công cuộc sáng tác cái Đẹp được. Mỹ thuật nhận lại giá trị ở tính cách không đồng nhất của các dân tộc và vì thế tính cách Việt-Nam trong hội họa của ta vẫn cần dù ta không lưu tâm mặc lòng.

— Thế hội-họa Âu châu đã đem lại cho ta phương pháp khác chọn trong kỹ thuật là gì?

— Tôi nhận là có, nhưng chỉ là những luống cây tốt của họ đem lại để kho lên những mạch trong sẵn có ở khối đất pul nhiều của mình mà thôi. Anh thử đem cái kỹ-thuật ấy gieo cấy ở một địa-bạt khác, tôi chắc kết quả cũng sẽ khác nhau. Vì thế nên bao giờ tôi cũng tin ở tính cách một dân tộc giúp ích cho nghệ-thuật hội-họa rất nhiều.

Anh ở ta không biết đến câu chuyện hiện đại ở làng sơn đồi làng hội-họa chúng mình. Người ta có ý định áp dụng phương pháp khoa-học vào hội-họa đây, ít lâu nay nhiều họa-sĩ đã vẽ theo một nguyên tắc mới. Họ vẽ như người ta tin theo

(Xem tiếp trang 20)

86 84

Ung-hoe NGUYEN-VAN-TO

Kinh-bản của cụ Kiêu-oanh-Mậu, tức Đoan-trường tân-thanh, và phường-bản của Quan-van-dương, đều in : « Tiêm năm trong gói người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau » Chữ « ghét » viết năm chữ « ghét » bằng chữ cổ cái gì, thì chữ cũng có người đọc là « cợt » - Quyền Vương Kim di như (bằng sao của)

Trường Bắc-cổ, số AB 234) viết «khẩu» bằng chữ «kiệt», thì chỉ đọc là «cột», chứ không thể đọc là «ghét». Quyền sỹ dẫn câu chữ nho của Traug-lữ: «Nhân sinh tại thế, bất tài nhất mệnh tương vớ hí cục», nghĩa là người ta sinh ở đời, một tài một mệnh cũng là trò đùa. Còn như đọc là «ghét» cũng do câu thơ chữ nôm: «Cổ tại tài mệnh lưỡng tương phương», nghĩa là từ xưa tài mệnh hai bên cũng bại nhau. Nhưng thiết tưởng đọc là «cột» thì nghĩa cao hơn.

— Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vinh (in lại năm 1942, tr. 2) chép là «Cảo thơm lần giở trước đèn, phong tình có lục còn truyền sử xanh». Các bản nôm đều chép: «Phong-tình có lục», «Lục» nghĩa đen là chép, tức là một quyển truyện hay quyển sách: bốn chữ ấy nghĩa là có truyện phong-tình; chữ «có» viết nôm thường viết chữ «cổ», đồng chuông chữ «cổ» ở trong; có khi viết thảo, chỉ viết chữ «cổ» rồi chấm hai cái hai bên; vì thế mới nhầm là «cổ lục».

— Các bản đều viết: «Một trai con thứ út lòng». Vương-Quan là chữ nối dòng nho-gia». Duy kinh-bản in là «Một trai con thứ út lòng»: chữ «út» muốn phải hơn; vả lại chữ «út» viết chữ «quí» bằng chữ «tốt»; có người chỉ viết chữ «tốt» nháy hai cái, nên mới đọc là «rốt».

— Câu «Làn thu-thủy, nét

xuân-sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh», kinh-bản in là «Làn thu-thủy, vết xuân sơn...»

— Các bản nôm đều viết: «Một hai nghiêng nước nghiêng thành, Sắc đành đòi một tài đành họa hai». Bản quốc-ngữ (tr. 6) in là «họa hai» thì không đúng. Kinh-bản chưa rằng: «Tiếng đòi tiếng họa là tiếng lịch-sự». Xé ra câu này không phải đếm số «một hai», chỉ là tài sắc không ai hơn nổi.

— Quốc-ngữ mới (1942, tr. 7).

Thái-bình quy trình cảm-tác

Tiền-Hải, Kim-sơn: truyện nước nhà.

Diễn-dàn, man-mác, bước chân ra.
Cánh hồng đầy gió qua Trạ-Lý.
Suồng máng chia vui nẻo! Nhị-Hà.
Mặt sóng rập rờn cây sát-sát,
Chân trời vắng vạc bãi xa-xa.
Nước lã, thuyền năng, mây lo lừng,
Mây nước trên sông khách thân thờ...

NHẬT-NHAM

phương-bản và Kim-Văn-Kiền chữ (bản sao của Bắc-cổ, số AB 233, tờ 42 a) đều chép «Khúc nhà tay dựa nên chương». Quốc-ngữ mới (tr. 9) và kinh-bản chép «Khúc nhà tay dựa nên xanh». Kinh-bản «xanh» nghĩa rằng: «Hoàng là diệu-đèn, chép là chữ chương thì không phải».

— Các bản đều viết: «Ngày xuân con én đưa thoi, Khuất quang chloa chực đã ngoài sáu mươi». Phương-bản chép là «Tiết xuân con én đưa thoi».

— Câu «Thanh-minh trong tiể, tháng ba, Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh». Phương-bản chép: «gọi là đạp thanh» thì không đúng.

— Quốc-ngữ (1942, tr. 16) và kinh-bản đều viết «Đạp diu tài-tử giai-nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm». Chữ «nêm» này ở kinh-bản viết «thủ» bằng chữ «nam» thì đúng; các bản nôm khác viết «thủ» bằng chữ «niên», cho nên có người đọc là «áo quần như niên»; mà chữ «niên» với chữ «lên» ở câu dưới, liền vần hơn chữ «nêm».

— Câu dưới «Ngôn-ngang gò đồng kéo lên, Thoi vàng-vỏ rắc tro bện, giấy bay», kinh-bản chưa rằng: «Người xã Thịnh-liệt, Hà-dội, làm thứ minh-kim (vàng dưới âm-ti) tục gọi là vàng-vỏ».

— Bản quốc-ngữ (1942, tr. 19-20) viết «Nổi danh tài sắc một thì, Xon-xao ngoài cửa thêu gì yên-anh». Các bản nôm đều viết «Kém gì yên-anh».

Duy kinh-bản in là «hiếm gì yên-anh».

— Các bản nôm đều viết: «Kiếp hồng-nhân, có mộng-mạnh, Nửa chừng xuân thoát gầy cảnh thiên-hương». Quốc-ngữ mới (tr. 20) chép là «Phận hồng-nhân có mộng-mạnh, Nửa chừng xuân thoát gầy cảnh thiên-hương».

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 12) chép là «Khúc thao khôn xiết sự thanh, Khuyết vô duyên mấy là minh với ta». Quốc-ngữ mới

(Xem tiếp trang 16)

Dương Bá Trạc

đã qua đời!

TRẦN-TÀI

Dương - Bá Trạc, biệt hiệu Tuyệt-Huy, sinh ngày 27 tháng ba năm Giáp - thân (23. fé-vrier 1884) tại làng Phú-thị, phủ Khoái-châu (Hưng-yên). Vừa nhà thi lễ, lại thông minh sớm, nên năm 17 tuổi, ông đã thi đỗ tú-nhân.

Ngày giờ, ông thấy cái chính sách thực dân của người Pháp quá áp chế, đả đốn quan trường và phần nhiều lại bất lương, nên nhất định ông không ra xuất chinh.

Lúc ấy, nước Tàu bị cay đắng nhiều phen dưới sức áp bách của các cường quốc khác, nên nhân dân lo việc sửa đổi lối học khoa cử cũ mà tiếp đón cái văn hóa mới của Tây Tây. Nhưng văn cổ sớ của Khổng-Lưu-Vi, Lương Khải-Séu tràn ngập khắp các sách báo mới xuất bản. Ông bèn xem sách báo ấy mà biết được những tư tưởng mới. Thế là ông là người xuất thân trong đám khoa bảng mà cái óc ông không phải là cái óc « bát cổ » nữa. Ông đã «ung» về nước từ đây.

Năm Nhâm-dần (1902) ông được nghe tin ông Phan-bội-Châu sang Nhật vận động binh trí; hai năm sau, «năm

Giáp-thìn (1904), nhân ông Phan-chu-Trình ra Bắc để cổ động chủ nghĩa duy tân, ông được ông Chu-Chinh mời đi lên thăm Hoàng-hoa Thám (tức Đề-Thám). Sau khi ông Chu-Trình trở lại Trung kỳ, ông Trạc tự nghĩ: muốn cho dân biết tất phải nâng cao trình độ dân, như vậy chỉ trông vào sự học, có học, dân trí mới khai thông, dân trí đã mởmáng, tình thần yêu nước mới một ngày tăng tiến.

Bởi thế, vào cuối năm 1906, ông cùng các bạn đồng chí là Nguyễn-Quyền, Lê-Đại, Hoàng-tăng-Rí, xin phép chính phủ Pháp lập Đông-kinh nghĩa-thục. Đ.K.N.T là một cái trường học. Trường này được phép thành lập ngày tháng 5 năm 1907. mục đích mở trí dân, để hấp thụ Âu hóa, hi-vọng gọi rửa cho dân các thói xấu đã hủ lậu lâu đời. Ông Trạc rất dốc lực trong việc dạy-học, diễn thuyết, bình văn. Ông lại cùng với các bạn trong Đ. K. N. T. cùng biên tập các sách mới, soạn những giọng ca cảnh tỉnh rất thiết thực những bài hát về địa dư, tập hợp và chọn những bài để mở trường. Ông đã

« Buổi diễn thuyết người chen như hội,
« Kỳ bình văn, khách tới như mưa. »
(Nam thiên phong văn ca)

Đó là cái quang cảnh Đ. K. N. T. khi ấy. Cũng tưởng cái quang cảnh ấy đến ra mãi, nào ngờ 9 tháng sau, thì cái thời kỳ oanh liệt của Đ. K. N. T. bị tiêu tán. Đ. K. N. T. phải đóng cửa ngày tháng giêng 1908, học sinh phải giải tán, ông Trạc cùng mấy bạn đồng-chí biết không thể lấy giáo dục hóa dân được, bèn quay sang phương diện kinh tế, úp nước mới xoay mở một hiệu buôn lấy tên là Hồng-tân-hưng chuyên việc tăng tiến quốc hóa.

Nhưng khôn thay, tháng giêng năm Mậu-thân (1908), dân Quảng-nam kéo nhau hàng vạn người lên đình xin giảm thuế rồi cuộc biểu tình ấy cứ lan dần khắp các tỉnh miền nam Trung kỳ.

Tháng 8 năm ấy, phái quân nhân ở Hà-nội định đầu độc các người Pháp.

Hai việc ấy làm Chính phủ Pháp rất ghét các thân sĩ. Ông Trạc cùng các bạn đều bị bắt giam ở Hà-dông cùng khai và xét hỏi bốn tháng giới đồng đa, ông bị đưa ra hội-dồng

(Xem tiếp trang 13)

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 6

Ứng-hoà NGUYỄN-TÂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về việc nước ta dùng chữ nho trong các giấy tờ công tư ở chướng thứ bảy, trong có câu: « Chỉ có bởi đức Nguyễn Anh còn xưng vương, cựa binh-định xong Nam Bắc, là có dùng tiếng (nôm) làm các dụ sắc và công-văn... » (tr - 69)

Câu ấy nhằm: nước ta dùng chữ nôm làm công văn, chỉ lẽ đã lâu. Không biết từ năm 1232 Nguyễn-Thuyên làm thơ phú chữ nôm, sau có dùng vào công-văn hay không: việc ấy còn phải sưu-tầm kê-sử. Đây có một điều chắc, là cách đây độ ba - mươi năm Trương Bắc-cổ có sao được một quyển gia - phả - họ. Trịnh đề là *Trịnh-gia thế-phả* (số sách A 1824), trong có chép (ở tờ 8b-10a) tờ « truyền » của Trịnh - Kiêm (1503-1570) viết năm 1539 đề sa thuộc-hạ bốc mã tiền-nhân. Nay được dịch đoạn chữ nho ở quyển gia-phả (tờ 8 a) và chép tờ truyền chữ nôm như sau này:

« Khi Trịnh Kiêm được phong Dục quận-công (năm 1539, xem *Khâm-định Việt-sử*, q. 27, tờ 30 b), năm 37 tuổi. Trịnh Kiêm trở về làng cũ (Sáo-sơn cũng cũ khi đó là Sáo sơn, thuộc huyện Vĩnh-phúc phủ Thiệu-thiền, tỉnh Thanh-hóa; K. đ. V. s. q. 27, tờ 30 b-31 a), mở tiệc ăn mừng, thăm viếng mã mã. Lúc ấy Thái-úy Dương-quốc-công mua được trâu thỏ-trạch có cả vườn ao ở địa-phận xã An-hoàng, đem tiến

Trịnh-Kiêm. Kèm xây dựng Lành-tại đề làm chỗ đi lại nghỉ-ngơi. Cứ ngày giỗ tết, thì đến từ đường, lễ xong, lại về bàn-bi, làm cỗ bàn đề khao thưởng quân sĩ. Sau 1 p các phu-tử ở Sáo-sơn Biệt-ta-tung và họ quốc, lại lập, ngự ở ở An-hoàng và các xã thuộc huyện An-định, đề làm nơi ở của căn-bản. Lúc bấy giờ có thầy địa lý nước ta, Trịnh-Kiêm gao cho sắm sang các ngôi mã từ nạm dơi trở xuống ở xứ Mã-củ lại phục ngôi mộ mẹ già ở xứ Đông-sáng thôn An-việt, quả nhiên được long-mach bại địa (?) Có tờ « chỉ truyền » của Trịnh Kiêm hằng nôm, chép pho vào đây:

« Chỉ truyền Thám-Thọ cùng nhân-Lộ, Thuận-Tín đẳng (bà lên này không thấy nói rõ làm chức gì phụng chầu có người làm địa-lý): Việc tờ đã chắc càng giới cắt càng rõ-tiền, đã tốt lành, mọi nê (cứ xem chữ « chỉ truyền » ở đầu, chữ « tự truyền » ở cuối, và chữ « mọi nê » ở đây, thì rõ ràng là công-văn chính thức. Lại có tiếng « tờ », ngày xưa là chức quan to tự xưng, như chữ « ta » bây giờ). Việc tờ nạm hành (dùng làm) cho chúng người (bấy giờ dùng tiếng các anh) về đây, tờ được này người, thế làm sao cho tận trung nghĩa, làm sao cho phá tờ giới truyền, hưởng phúc muôn đời. Đã mượn người: cần-thận nạm sự (làm việc), đã trời định

ngôi mã-bia giới phụ tờ (mã-chỉ sau mã ôi, dùng xây mã tờ một bên tả dùng để kê ta, mã dêm ở giới đặt la-khu cho chỉnh, phương hướng, xem định, ban ngày, dự đầu cho minh (bấy giờ xem, đánh dấu cho rõ), người chỗ ăn thận, chờ đến giờ hội: khi đến thì ở ở ở. Tờ mượn người đã biết việc: dù lấy công vậy, dù kẻ báo kẻ sáo (bấy giờ là thầy địa lý, kẻ báo là người đi báo dẫn đường, kẻ sáo là người đi đào mã, đến đây đến hôm, chờ cho biết là dân, mới yên lòng tờ. Tờ đã tin dùng, người phải vắng lời, cần t an cho làm, để tờ được cậy. Việc là can-hộ, chỉ cần phải chờ đầu. Mã người khi cải-hành (làm việc cải cát), phải cải kẻ nạm-sự tho nên (dùng người làm việc cho xứng đáng), lên đường Long tự hội mã cải (bọn nhau cải cát), mà người dùng cộng quản-phủ (cải phủ Trịnh Kêm) phải người đi cùng. Chính việc thì mượn người cứ chờ đợi, mà người xem đồng-hồ cho chính giờ (có lẽ là đồng hồ nước) mà người mới hành (làm tin) cần thận, cho nên việc sẽ xa (xong việc sẽ ra). Đường thì xa, tờ đã tin dùng, người nghĩ thế nào cho cần thận, chẳng phải gần mà truyền lời. Đi lại sự (bản nôm vào đứng thế, nghĩa là sự đi lại) thì mặc người, liên dùng mọi nê cho mượn việc tốt. (Xem tiếp trang 13)

THÁP BÌNH-SƠN

VỚI

NGUYỄN ĐỒ-CHIÊM

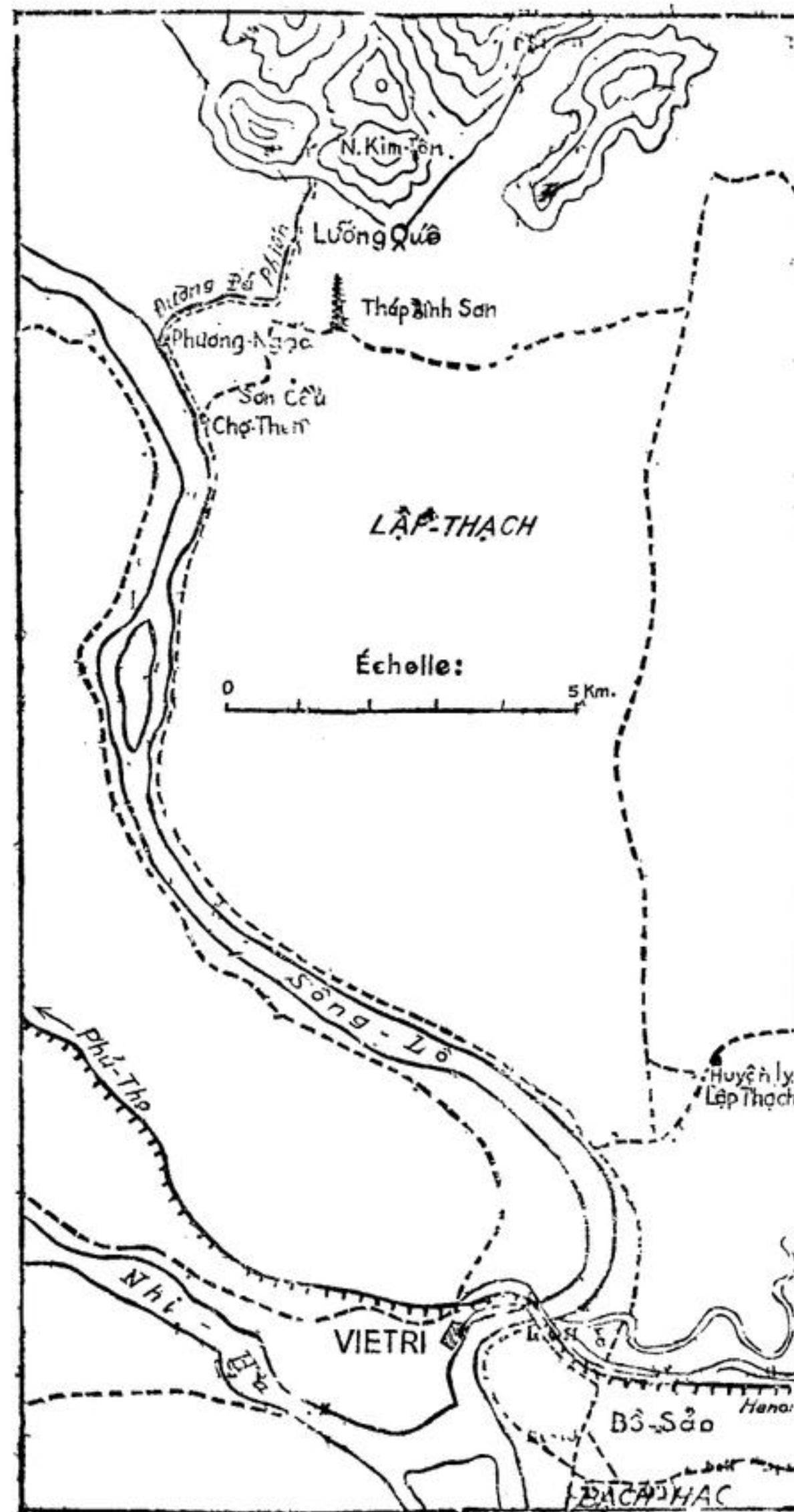
Số 2

Biết lam. TRẦN-HUY-BÁ

Khi mang ra xây, thợ cứ theo thứ tự mà đặt vào rồi gắn vữa các mạch, cứ thế dần dần, xây cao tới ngót. Công-trình như thế thì biết mấy mươi! Đến bây giờ đã ngót nghìn năm, mà gạch vẫn tươi màu đỏ sẫm, rắn tựa sành gá; những đường chạm trổ, và tính vị như nơi mới dựng; dù biết giá trị tháp này là thế nào! Tiếc vì lâu ngày nên mấy tầng trên đã đổ nát, không biết còn cao là bao nhiêu nữa!

Về phương diện tôn giáo, ta chưa biết rằng: cái ảnh hưởng Phật-gáo đã ảnh hưởng vào xứ ta từ đó cực thịnh, nên chỉ một nơi nhỏ lảnh gần núi rừng như ở vùng này, mà lúc bấy giờ đã có các nhà tu hành mộ đạo tìm nơi ẩn dật ở chốn sơn lâm, rồi xây chùa dựng tháp, để lại cái dấu vết trên xưa. Bết dấu nơi này chẳng còn có những lớp chùa nguy nga hùng vĩ, tiếc rằng sử sách không có chỗ nào nói đến các vị tu hành ở vùng này, và ai đã xây dựng tháp này. Cả đến ba kỷ cũng không còn một dấu vết gì để giúp cho ta biết hơn được nữa!

Về phương diện lịch sử, tháp này lại cho ta biết một đoạn sử rất ly-kỳ về hồi Lê-mạt. Cứ theo các bậc cổ lão (1) ở vùng ấy thuật lại, thì ở chỗ tháp này xưa vẫn có ngôi chùa, tục gọi chùa Thên, và cây tháp gạch xây 18 tầng. Chùa lâu ngày đổ nát, dân xã từ bỏ dần dần, bây giờ thì toàn là mới cỏ. Duy có cây tháp thì tương truyền rằng: các đường mạch và các góc tháp đều bọc bằng chì chắt then (2) có chân sâu gắn vào thân tháp (hiện các lỗ chân lông ấy bây giờ vẫn còn). Mà chỉ ấy thì đã bị bóc hết vào đời Minh-thuộc, Trương - Phụ sai quân lấy hết chì ấy để đúc đạn mà chống với đức Bình-dinh vương Lê-Lợi; còn ngọn tháp thì bị đổ vào hồi Lê-mạt. Trên ngọn tháp ấy có viên ngọc thạch, chạm thành ba quả thiêu lưu, to như cái uôi ba khi bị bão đánh đổ, hòn đá ấy rơi xuống sâu chùa. Bây giờ, chợ Thên vẫn họp ngay ở cửa chùa, nên có một bà cụ bán hàng nước chè nhặt được dùng hòn đá ấy để làm đồ rau nấu nước



bán hàng.

Một hôm, có ông Đỗ-Chiem (3) ở làng Quế-n, am Lương-quế, tổng Đạo-kỷ (4) ra chợ cuoi, vào hàng bà cụ, thấy hòn đá đẹp, mới xin bà hàng đem về nhà.

Sau đập hòn đá ra, được ba cục vàng ở trong. Từ đó, Đỗ-Chiem ngày càng thịnh đạt, hèn tá của ra mua lòng người, sắm khí giới, thên lại theo về làm vậy cảnh lại đông.

Rồi Đỗ-Chiem tụ tập ở núi Kim-tôn, xây dinh, lập trại, mưu đồ xưng đế xưng vương (5) Đỗ-Chiem truyền cho quý liu phải kiêng nể rừng lâm đá to bằng tấm phản, xếp thành một con đường cá để vận lương từ ngoài sông vào. Từ chân núi Kim-tôn ra đến Lũu-sông Phương-ngạc (cõi bản cũ), dài gần 4 cây số, mà công-việc chỉ làm có trong một đêm đủ biết quân lực của Đỗ-Chiem đã hùng hậu lắm.

Triều-dinh nhà Lê đã mấy phen đánh nhà vẫn không dẹp tan.

Tới tháng 5 năm Giáp-t (hưng thứ hai (1741), chúa Trịnh Doanh sai quan Đốc-lãnh Sơn-tây là Lê-Lợi và quan hiệp-dồng Tuyên quang là Nguyễn-Qua đem quân đánh Nguyễn Diên tức Đỗ-Chiem ở vùng An-lạc.

Chiêm sai đồ-dăng đem binh thuyền thuận dòng xuôi, xuống bến ngày 13 tháng 6 (năm tân-dậu 1741) thì qua bến Cốc (bến sông làng Văn-cốc, thuộc huyện Bạch-hạc, Sơn-tây); Nguyễn-Qua dò biết mưu ấy, bèn chọn một đội binh - binh. đứng chờ đợi,

đội nón lá giống như quân Đồ-Chiem, kéo thuyền đến trước, Đồ-Chiem tưởng lầm là quân của mình, không phòng bị liền bị quân Nguyễn-Qua đánh úp (6) Đỗ-Chiem bị loạn quân giết chết; còn đồ-dăng bỏ thuyền lên bộ chạy dài. Quân Nguyễn-Qua thừa thắng, đi đánh: giết hại vô kể. Quân khí và điều-cải (7) của quân Đồ-Chiem bỏ lại đầy đường! Tất cả quân của Đồ-Chiem tan hết, còn dìm trại ở núi Kim-tôn thì bị Quan-quả phá hủy. Mả nhà Đỗ-Chiem táng ở sườn núi Hinh-phân cũng bị quét lên đồ toàn do vào giầy huỷ cho mả chôn. Hiện giờ quanh vùng mả ấy vẫn còn ngọai suối gọi là: "Tiểu thành đá lùn". Tiếng suối chảy ra nghe như tiếng trống. Đó tức là di tích, mà nhà Đỗ-Chiem còn lại vậy.

(Hết)

BIẾT-LAM-TRẦN-HUY-BÁ

(1) Do cụ chánh tổng Đạo-Kỷ Nguyễn quang-Bái nhớ nhờ của các cổ lão vùng ấy mà thuật lại.

(2) Vì vậy mới gọi là chùa Thên.

(3) Sử chép là Nguyễn Diên.

(4) Cõi bản cũ.

(5) Năm 1937, viện Bác-cổ có đào dinh núi Kim-tôn được nhiều gạch cổ, có một hòn đá mài một nửa dưới có ghi niên-định là « Nguyễn-Trị khai thiên thống vận hoàng đế, tạo kỳ cảnh... »

(6) Khâm-dịch Việt-sử chính biên quyển 39, tờ 10 b.

(7) Vàng ấy còn có chỗ gọi là đồ Đồ-Chiem tạ giặc « diên đồ »

Việt-nam văn-học...

(Tiếp theo trang 9)

lành, cto tờ cây. Nhưng bằng khai-thần, thổ-quan (lúc mở áo quan, nhất trong sáng lên) thì đời giờ dần nảy lăm chín an táng thì số đời ở Lợi. Đường thì xa, mặc người lệu cto kịp giờ mới nên việc. Mọi việc chình-hà n (làm thì g) người giữ làm sao có ai đây, cả g thì thấy mà (lấy địa-lý) cho ai biết, cho cho tước g sự-lý, (dùng cto biết) thì mới yên lòng tờ. Kim-ngân-lẽ-vậ, tờ nhậm hành cho, mà người phải nghĩ, đầu tế cáo việc chi, thì làm đa-bậu cho trọng-bậu, mà người trai-giới chỉ-kính cho họ việc. Chính dùng thì dùng cái gỗ vàng tâm, ấy cái tiêu cái-táng vậy. Dương xa tờ đã yên, lòng nhậm sự cây đông thì đã yên lòng là nhờ cây được người giúp việc: đầu làm việc trước sau, người phải nghĩ hết-thứ (lần lượt) mà dụng hành: việc gì đáng trước làm trước, đáng sau làm sau. Những việc dùng thế nào, hoặc là mộng-hiện (nằm mộng thấy), hoặc là tưởng-thực (có điều gì), thấy những điều chi, hoặc khi thổ quan-tài (thay tiêu), hình-hải đã tiêu hóa thế nào, cho hết mọi nhẽ, thì mặc người dụng hành (thứ người làm), mà biến một trần sự thực, cho hết

Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà.

Thử tưởng lại, đời Hán thuộc, cách nay ngót hai nghìn năm:

— Trời đất đang u ám, mặt trời mặt trăng đông mặt-mờ, ấy ai đã ra lay gạt mù-tối, vén mây đen, tung ánh sáng rực rỡ, tung bừng ra khắp sông Lô, núi Lân?

— Trưng vương

— Đất đai đang khô xác, hoa cỏ đang tiêu điều, ấy ai đã làm mưa, mưa rào tưới cho muôn hoa nghìn hồng trong vườn Hồng Lạc?

— Trưng vương!

— Nhân dân đang bơ vơ, khát sữa, đói cơm trong cảnh mẹ gà con vịt, ấy ai đã mở lòng ấp ủ, rải bóng phủ che, đặt con đỡ lên chầu em, chiếu ấm?

— Cũng Trưng vương!

— Đồng bào đang làm than, trai làm nhàn thản, gái làm nhàn thiếp, địa ngục khắp dương gian, ấy ai đã tháo cũi, phá lồng, chặt xiềng, bẻ xích, lấy lại tự-do cho bao triệu sinh-linh, giục lại bản đồ trong 65 thấn-quách?

— Văn Trưng vương!

Ôi, Trưng vương, Việt-nam đệ nhất nữ anh-hàng!

Nhưng, đau đớn thay, trang lịch-sử rất anh-liệt, rất vẻ vang: ngoài đuôi giặc Đông Hán tàn bạo, trong bụng cờ tự chủ huy-hoàng này, ngót một thế kỷ nay, chúng ta chỉ âm-thầm đọc trong bóng tối!

Giờ Giải-phóng đã đến. Chuông Độc-lập đang rền... Ta hãy cùng nhau cao giọng mà hát:

« Chị em mang một lời nguyền,

« Phất cờ nương-tử thay quyền tướng quân!»

Viết ngày 5-văn-dong-Hà-dự-đề-kỷ-niệm Hai Bà tại Việt-Nam học xá (6 tháng 2, Ất-dậu, 1945)

HỌA-BANG

linh-tạ (nguyên-ủy), trước sau mọi lời, tưởng-lập minh-bạch. Rồi việc (xong việc) thì cho ra kịp, cho tờ được biết, cho yên lòng tờ. Mà người hãy biết tạm ở lại, xem làm ba giá ngựa (?), cho yên mọi nhẽ. Ngoài năm mươi ngày cho biến-hóa ven về thế nào, hãy cố tìm ra, cho yên lòng tờ, dạy thế nào thì người sẽ ra châu. Người xem đầu thần cho bằng lòng tờ, cho tờ cây với. Như đất cải về đất, thì lại hoàn đây (đào lớp nào, trả lớp ấy cho sống hoàn thổ)... « Từ truyện » (Trịnh-gia-thế-phả, bản báo Trường Bắc Cổ-số 1821, tờ 8 b diện 10 a).

Lời văn có vẻ đồ: nhiều câu, còn phải dùng cả chữ nôm, nhiều câu chưa luyến, có thể tin là văn đời Lê trung hưng về thế kỷ thứ 16.

Bao giờ xem hết các gia-phả và cả giấy tờ cũ của Trường Bắc-cổ đã sao được, và của các họ to trong nước còn giữ được, thì bấy giờ mới biết chữ nôm dùng làm công-văn từ hồi nào. Dù sao, cũng không nên nói là « chỉ có hồi đức Nguyễn Anh... dùng tiếng nôm làm... công văn » vì sách còn chép tờ truyền bằng chữ nôm từ đời chúa Trịnh-kia mà.

(còn nữa)

Ưng-học NG.-VĂN-TỐ

Dương-Bá-Trạc

(Tiếp theo trang 8)

đề hình Hà-nội làm án 15 năm biệt xứ, và giam ở Côn-lôn, cùng với các bạn Võ Hoành, Lê Đại, Nguyễn Quyền. Ông Phan-Chu-Trinh bấy giờ cũng đã ở đây với mấy ông Hoàng-Thúc-Kháng, Ngô - đức-Kế.

Khi ở Côn-đảo, sau những lúc phải kén ăn, đập đá, ông thường nghĩ ngợi không biết nên sống ấy cùng thân thế này có vì nhau mà gặp gỡ chăng. Ông thấy cơn sóng nổi lên mà tưởng đến cảnh dân bị áp chế, ông nghe tiếng chim ríu rít mà nhớ tới tình nhà chia rẽ. Ông càng nghĩ thì ông càng tức, kìa ai chuyên quyền, kìa ai bắt nạt, để cho ai chau mày, nguyền rủa, đứt ruột, đau lòng. Nhưng nhiều khi ông cũng được hả hê là được cùng anh em họp mặt để tỏ bày tâm sự, xướng họa văn thơ.

Nhân một ngày tối, ông được gặp ông Phan-chu-Trinh, đồng cả các anh em đồng tù, ông Chu Trinh có nói một câu: « Xin anh em chờ ngã lòng, tôi dám chắc rồi chúng ta còn có ngày mùa, nhưng anh em phải giữ định kiến... » Thì ông có găm sai định kiến đâu, ông muốn mong có ngày được mùa trên vũ đài.

Sau hơn 20 tháng ở Côn-lôn, ông được trở về.

Thân ông tuy thoát khỏi chỗ đầy xiềng, nhưng tình cảnh ông lại lâm vào nỗi giam lỏng: ông phải an trí tại hạt Long-xuyên, cũng như các ông Nguyễn Quyền phải ở Bến Tre, ông Võ Hoành ở Sađéc, ông Hoàng Văn Bội ở Huế, v.v. Năm ấy là năm 1912. Ông ở Long-xuyên, lấy nghề dạy học bậc thuố làm kế sinh nhai, tuy cái khổ và vất vả không đáng kể, nhưng

ông luôn luôn đau đớn tinh thần: có miệng không dám nói, có óc không dám nghĩ, vì người ta coi ông là một người nguy hiểm có thể gieo rắc những mầm khởi loạn, cách mệnh, chứ có biết đâu công việc ông trước chỉ là dùng cái lưỡi và ngọn bút để đánh thức dân Nam đang ngủ say mà thôi.

Ở Long-xuyên được 5 năm, năm 1917, ông được ăn xá về Bắc. Ông Toàn - Quyền Sarraut khuyên đỡ ông ra giúp việc chính phủ Pháp, nhưng ông nhất định từ chối, chỉ nhận làm một chủ bình bút cho báo Nam-Phong. Ông viết cho rằng: muốn cho nước trở nên phú cường bằng người thì phải làm thế nào cho dân trí khai thông đã, vì vậy mà ông tận tụy về nghề báo. Ngoài tờ Nam-Phong, ông còn giúp cho mấy tờ khác, nhất là tờ Trung-Bắc tân văn.

Mấy năm sau, hội Kuai tri tiến đức ở Bắc-kỳ thành lập, ông đã cùng ban văn học khởi thảo bộ Việt nam tự-diễn.

Khoảng 1932-1935, ông đứng chủ trương tờ Văn học tạp chí và khoảng 1935-1936, tờ Đông Tây báo cả hai tờ báo đều do ông Dương Tự Quán quản lý).

Ông viết văn nhiều, làm thơ nhiều, nhưng óc ông vươn sôi nổi việc cải cách trong nước.

Năm 1941, nhân ở Paul Reynaud, Tổng trưởng bộ thuộc địa Pháp sang ta, ông lấy tư cách là một người dân nước Nam có gửi một bức thư đến cái tình hình nguy khốn trong xứ mà tỏ bày, rồi ông yêu cầu cải cách việc học, việc nông, việc công, và việc thương mại.

Năm 1935, ông cùng các ông Nguyễn Năng Quốc, Nguyễn quang Oánh, Lê-Dư, v.v... sáng lập hội Phật giáo Bắc-kỳ và đứng tờ Quốc-tuệ làm cơ-quan để duy trì nhân tâm thế đạo.

Rề ngoài thì ông vẫn tỏ vẻ ai nấy biết ông nghĩ các việc công ích, nhưng cái ách nô lệ người vẫn canh cánh trong lòng ông, nên ông tiếm tàng bao nhiêu cơ trí, mưu mô, mong đạt được mục đích mình. Trong khi chờ cơ hội, thì người Nhật sang ta, ông rần toan chuyển nẩy đi ra giao thiệp với các bạn đồng chí ở hải ngoại hòng lo cuộc tử chủ cho nước Nam.

Ngày 29 tháng mười 1943 (tức mồng một tháng 10 năm Mùi) ông từ giả nhà, đi ngoại quốc. Không ngờ, ngày 26 tháng 10 năm Thân (11 tháng chạp 1944) ông đã mất ở Chiêu-nam.

Ông Dương mất, quốc dân thương lắm. Ngày thứ bảy 17 tháng ba 1945, trong lễ truy điệu các nghĩa sĩ Việt Nam tại nhà hát lớn Hà-nội, ở bài diếu văn đầu tiên, quốc dân đã liệt tên ông vào lớp người nho lâm cùng với hai ông Phan Bội Châu, Phan-Chu-Trinh.

Ngày 18 tháng ba 1945, trong lễ truy điệu ông tại trụ sở hội Bắc kỳ Phật giáo, ông Lê-Dại và ông bằng Bùi Kỳ đã đọc hai bài truy niệm rất cảm động.

Trong một số báo sau, sẽ xin lược đăng bài của ông bằng.

Ông Trạc có những sách này đã xuất bản: *Tiếng gọi dân, Trai lành gái tốt, Chữ nho học lấy, Bức thư, Ngộ cùng quân, Lòng, trước ng, thuộc địa, Nội, mục, tình, sự lễ, giáo, yểu, ch, nói*
THẤT LẠNG.

HOÀNG DIỆU. . .

(Tiếp theo trang 3)

2) Truất hai cắc tú tài. — Lại có hai ông tú, một ông tên là Viên ở làng Thạch Bộ (thuộc Đại lộ) một ông tên là Khiêm ở Kỳ-lam (thuộc Điện-bàn), giàu có mà không chịu quyền tiền cúng mạng dân nghèo. Phần đông oán giận đến kêu với cụ Hoàng-Diệu rằng hai ông tú ấy học dốt mà đậu là nhờ tiền, vậy xin cụ xét (10). Cụ tấu về Triều xin bắt hai ông này bạch lại. Quả hai ông đều mất tú-tài.

Chăn tể xong, dân sự đều yên, vua cho cụ ở toàn phủ Quảng-nam một năm.

Giữ thành Hà-nội — Mặc dầu đã trả lại thành Hà-rôi cho nước ta, nước Pháp vẫn lo việc thôn tính Bắc-kỳ, trong khi sự cai trị Nam-kỳ đã thành nề nếp. Lại nhân có các nước Ý-đại-lợi, Ý-pha-nho, Anh-cát-lợi và Hoa-kỳ muốn sang thông với nước ta (1) nên người Pháp càng lo lắng gấp việc, nhưng bấy còn chờ dịp tốt.

Từ khi ra tổng-đốc Hà-nội, cụ Hoàng-Diệu chăm lo việc phòng bị: một mặt cụ lo sửa soạn thành trì, luyện tập binh lính (2), một mặt tấu về Triều xin thêm binh (3); và theo ý cụ, Hà-nội là cái cuống họng của đất Bắc-kỳ (4).

Cuối năm tân-tị (1881) 2 người Pháp đi đảng Bắc-kỳ lên Văn-nam bị giặc Khách ngăn-trở ở Lao-kay. Ông Le Myre de Vilers Tổng-đốc Nam-kỳ, gửi thư về Pháp xin dùng binh lực để dẹp yên đất Bắc; người Pháp lại còn trách rằng Triều đình Huế thất

lễ với ông Khâm sứ Rheinart, nên nước Pháp phải binh vực quyền lợi của người Pháp (5).

Thế rồi, theo lệnh của Thống đốc Le Myre de Vilers, hải quân đại tá Henri Rivière đem binh thuyền ra Hanoi (5). Cụ Hoàng-Diệu sai Lân-phủ Hoàng-hữu-Xứng ra tiếp đãi tử tế, song «ngồi tuy giao thông, trong chằm nhửnng là».

Ngày mồng bảy tháng ba năm Nhâm-Ngọ (1882), quân Pháp ập chiến thư. Lập tức cụ sửa soạn nghênh chiến: chia cắt quân lính canh phòng, đem vàng bạc treo giải thưởng cho người nào sẽ giết được quân địch và «thề quân rút chén rượu quỳnh đầy vơi». Tướng sĩ ai nấy đều cảm động đến rơi lụy nguyện «ai ai xin quyết một bề tận trung» (6).

Sáng hôm sau — «buổi ngày mồng tám mới qua giờ thìn» (độ dỗi 8 giờ) — (7) cụ Hoàng-Diệu sai An sát Tôn thất-Bá ra thương thuyết. Khi Bá vừa ở trên thành bỏ thang leo xuống, thì quân Pháp bắn vào thành. Bá chạy trốn mất. Hoàng-Diệu mặc dầu đang đau, xông ra đầu quân (8) cùng Hoàng-hữu-Xứng chống cự cửa Nam và cửa Tây, cửa Đông và cửa Bắc thì đóng giữ lại (9). Hai bên đều có chết (10). Có một ông Hiệp-quân tên là Thiện bắn chết được một võ-quan Pháp, cụ Hoàng-Diệu liền thưởng 30 lạng bạc. Quân sĩ ai nấy đều vui mừng (9).

Song đến 11 giờ trưa (11), «họ vọng đòi chiến địa, cuộc chiến đấu đòi linh hồn»: Không biết

vì sao kho thuốc súng bên ta bị cháy, quân Pháp liền do cửa Tây leo vào thành (12). Quân Nam rối loạn, đều bỏ chạy cả, như «Vũ giai Đê đốc Lê Trừng cùng là chánh phó Lãnh binh một đoàn, đương khi giao chiến ngang lạng, thấy quân hầu đồ vội vàng chạy ngay». Còn ông bố Nguyễn văn Tuyên bỏ chạy xuống thành trốn mất. Cụ Hoàng-Diệu «biết cơ thành bại ở Trời», nên «quyết đem danh tiết để đời thử trông» (Bắc lĩnh ca) Cụ ung dung bắn triều-phục, vào đánh cung bãi vọng, kẻo rằng: «Sức thần đã hết rồi» (13); rồi lại Võ miếu thất cố tự tận (14). Còn Hoàng-hữu-Xứng nhón ăn mấy ngày, song sau lại ra làm quan. Đến đời Thành-Hữu Xứng làm Thượng thư bộ lại Kiêm chức Tổng tài sử quán.

Trước khi chết Hoàng-Diệu có thảo một tờ di biểu dâng vua, đại ý nói rằng:

«Thần là một kẻ thư-sinh biết đâu việc binh-bị (15) mà Bệ-hạ giao cái chức-vụ quá trọng (16) làm sao tin được lòng giặc (17), nên thần lo sửa soạn để phòng (18) Việc chưa xong thì binh Pháp kéo đến. Thần trộm nghĩ: Hà-nội là cái cuống họng của Bắc-kỳ (19) nên thần thương tấu về Triều xin thêm binh (20). Nhưng lại bị Bệ-hạ quở trách (21). Lần đầu đón và cụng (22). Thương thần cùng các bạn đồng-liêu bàn định: người thì bàn nên mở cửa thành, kẻ thì khuyên nên giữ binh (23). Song thần dù xương

nghe thần đáp cung không sao làm mấy điều đó được (24).

« Việc tình chưa xong thì ngày mồng 7 giặc hạ chiến-thu, rồi ngày mai khởi đánh. Thần đã mang bệnh, xông ra đầu quân chống cự. Được nửa ngày, thế ta kiệt (25), quan văn thì chạy, quan võ cũng tùy cơ theo gió (26). Lòng thần đau như cắt (27).

« Bất tài, thần tự nghĩ sống cũng vô ích (28) đầu thần đã biếu thành mất mà cớ chết cũng còn có tội (29) chớ thần đâu dám nói chết là trung-nghĩa. Một mình thế với Long-thành, nguyện theo Nguyễn-tri-Phượng nơi suối vàng vậy (30). Vải đông - huyết, lệ, cửa rộng muốn dậm, xin mặt trời mặt trăng soi tỏ tấm lòng son (31). »

Lời vâng rất lâm-lý, xem rất cảm động.

Năm ấy Hoàng-buồng thọ được 54 tuổi. Phải vận-thần Hà-nội nghe tin, xin phép vào thành, rồi « rủ nhau tiền góp gạo chung, đem ngài ra táng ở nơi Học-đường. » Vua Tự đức khen rằng : « Diện-tận trung tử tiết, nung nhứt xuất luân bối » nghĩ là : « Dẫu hết trung mà chết theo tiết - nghĩa, thật hơn xa các bạn. » Rồi truyền cho các quan tỉnh, Hải-dương, Nam-dịnh theo thuyền đem quan-tài cụ về Quảng (32). Hai con của cụ là Tuấn và Hiệp đang tui ở Huế, liền ra Hà-nội và mua áo quan khác cái-hộp (33). Người ta nói rằng khi mở hộp ra chẳng có mùi gì cả mà người cụ thì như người nằm ngủ, (Lúc này đã đến sáng 6).

Ngày 24 tháng tám mới làm lễ chôn cất (32). Vua có ban 1000 quan tiền để làm đám và có Khâm-mạng đến tế một bài quốc điển văn (34). Các quan tỉnh Quảng-nam đều đến lo việc tế lễ (35). Ngoài các lễ đời bằng chữ nho rất nhiều, còn có các bài ca bằng quốc âm để ca-ngợi người trung-liệt (34); trong các bài này có bài Hà-thành chính - khí ca (38) là dài và tỏ rõ những việc đã xảy ra khi thất-thủ Hà-nội; còn các bài khác như : Hà - tiên thành ca, Bắc lĩnh ca Đông lĩnh ca, v.v.. không biết của ai làm

Sau vua Tự - đức muốn truy-tặng người trung-thầnj giao cho đình-thần bàn-định. Nhưng vì có người không chịu, rồi rồi cuộc đến năm Tự-đức 36 (1883), cụ chỉ được thờ vào đền Trung-nghĩa ở Huế (35). Ở Hà-nội, người ta cũng thờ cụ vào miếu Tam-Trung với Nguyễn-tri-Phượng và Đoàn Thọ (37). Có người nói chính Ông-Ích-Khiêm là người đã đòi-kháng việc truy-tặng Hoàng - Diệu : Ích Khiêm nói rằng : « Khi ra Hà-nội, Hoàng Diệu đã đem theo một chiếc dây rồi, chứ tài giỏi trung-liệt gì mà truy-tặng. » Nếu thật vậy, thì cụ Tiểu Phong-lệ (tên thường gọi ở Quảng nam) đã quá khó khăn đến nỗi khiến người mất.

Dù Hoàng Diệu không có tài thao-lược như ông tướng Ích-Khiêm --, mà dẫu có, tưởng cũng khó lấy xương máu mà chống, súng đạn -- song chính là mọi người trung-liệt, một người rất thương nước. Nếu không trung-liệt, thì sao không bắt chước các

bọn tham sách uý-tử để được quyền cao chức tước ? Nếu không thương nước thì sao đã để nước nặng hơn nhà (quốc sự vị hoân, gia tình hồ cớ) ? thì sao đã thương lo cho làm sao nước mạnh để ngừa ngoại xâm, để cho cường lân thần phục (như bà nhi chầu-chiếu ngã bình, như bà nhi trướng phượng diện dĩ đồ ngoại kluy, như bà nhi phục cường lân dĩ bảo đại cuộc : 34 là ơn vua ban đồ cha mẹ) ? Nếu không yêu nước thì đã đáng thành cho địch tay giải binh rồi. Nếu không yêu nước thì sao đã dám xông ra đầu quân để chống cự ? Tại sao đã chịu chết theo thành khi thành về tay quân địch?

Tấm gương hi sinh vì nước ấy thật đáng để cho muôn thừa soi chung.

KHUÊ TRAI

(1) Xem Việt-nam sử lược quyển hạ, trang 266.

(2) Xem bài biếu của Hoàng-dàng cho vua trước khi chết : « Tam niên vu tư, huấn luyện giáp binh, thiên ta thành bảo... »

(3) Cũng trong biên ấy : « Thần ở ở thủ cụ, khẩn tư lân hạt thượng văn triều-đình khất cứu thiên binh tảo cệp sư ».

(4) Cũng trong biên ấy : « Hà thành nãi Bắc-kỳ yết hầu chí địa, nhi vĩ ngã quốc yết hầu chí khu, nhưi đất hoặc chỉ thổ băng, chư lĩnh thứ tằng ngọa giải ».

(5) Xem V. N, sử lược trang 267, 268.

(6) theo Đại-Nam, chính biên, liệt truyện chỗ : « Ông Hà-Ninh chết, nhà Hoàng-công đi biếu tỉnh để khốc chi. (đoạn này có lẽ là của H. N. Xương viết vì hồi Thành thái cụ làm Tổng tài bộ quân).

7) Trong V. N. S. L. thì nói là 3 giờ ngày mồng 3 lộng đốc tiếp được tới hạn thư của đại lá, rồi « 3 giờ » khởi sự đại hạ. Song trong bài biên của Hoàng thì là: « bốn giờ » khởi sự như tiền hạ chiến-thư của nhứt cấp ki h lặc binh phong tự thượng phó lại thanh... »

8) Biên của Hoàng: « Thân tuy phò binh, vì s' lốt li... »

9) Theo Đ. N. C. B. L. T. thì « Đốc Hà ninh chỉ phủ Hoàng-công... »

10) Theo Đ. N. C. B. L. T. Trong số Hoàng thì nói Táng chết hơn trăm người, lại hách dư. Nghi ngờ lẫn lộn còn trong bài Hà thá h chính khi ca là: « Nữa ra nó chết cũng nhiều... »

11) Theo V. N. S. L. Trong biên H. chỉ nói: « Thả lữ dân nhứt... »

12) Theo Đ. N. C. B. L. T. — Có người ngờ là bên ta có người phản: « Nội công phải nhữg bao giờ, thữg khoe thaớc chấy ngon cò ngả theo » (Hà thành chính khi ca).

13) Theo Đ. N. C. B. L. T. —

14) Theo Gia phả thì cụ chết tại Võ miếu. Trong Đ. N. C. B. L. T. tập nhì quyển 38 chỗ « chú thữ lết truyện nhĩ thập bát Hoàng D'et: đệ văn Bông, chấn phự » thì nói chết tại cày đại thọ gần miếu Quan Công. Mà cũng trong Đ. N. C. B. L. T. chỗ « Đốc Hà ninh chỉ phủ Hoàng công đi biên » thì nói chết tại Võ miếu. Theo người hầu cận cụ Hoàng Diện — bây giờ chết rồi — thì cụ chết tại Võ miếu.

15) « Như giới thư sinh tổ bất lập phủ biên sự... »

16) Ủy nhiệm thạm cư.

17) Hưu trí tín phủ nhang iám.

18) Hoàn luyện giúp binh thiện tại thành bảo.

19) Hà-thành; nữ Bắc kỳ gết hầu chỉ địa.

20) Thượng văn Triều đình khất cầu thêm binh.

21) Nhĩ chiếu thư mỗi hạ trách thản... Lặc nã, nua Tự-đắc, lượg lư giữa phải chủ-hòa và phải chủ chiến.

22) Phức' độc huấn từ hĩa gia phủ việc.

23) Hoặc vị khai môn nhĩ thính bị chỉ xất « hạp » hoặc vị triệt binh sĩ thích bị chỉ gết hiêm.

24) Thân tuy pi ấn cốt toái thân hĩa sở bất ni dĩ.

25) Thữ tử bán nhứt, bị đình ngả kiệt.

26) Văn thĩa lặc khiếp dịch nhĩ quân báo, rõ thản lặc vọng phong nhĩ tưng hội.

27) Thữ: thốn tâm như cắt.

28) Tương lược phi trường, lư qui sanh nhĩ vô ích.

29) Thản vơg mợc sửa, tưng nhĩn lữ hĩa dư cô.

30) Có trung nhĩ thệ dữ Long-thành, nguyện trảng lên thản Nguyễn-tri-Phượng u địa hạ.

31) Sở hàng hũgê lể, vạn lý quân nôm, nguyện nhứt ngợgét chỉ chiến minh, b'ên thản xích tâm nhĩ dĩ.

32) Theo gia-phả.

33) Áo quần của thản sĩ B'az-hà là áo quần thường, mà người cụ Hoàng D'et thì to lớn lắm, nên khi liệm phải co hai gối. Con cụ nghe vậy không bằng lòng nên cải liệm (theo lời người cháu đích-tôn của cụ).

34) Bài này còn tại nhà họ Hoàng.

35) Gia phả.

36) Phải chăng tác-giả của bài ấy là Ba-giải?

37) Nguyễn-tri-Phượng năm thất-thủ Hà nội lần thứ nhứt (1873), Táng bất, nhĩn ăn mà chết.

Đoàn thọ, lũng thốn quân vụ Bắc kỳ bị giặc khách giết năm 1870.

Tài-liệu đồ-dính-chính

(Tiếp theo trang 7)

(tr. 22) và phước-bản chép là « K'áo vô duyên b'ấy là minh với ta »

— Câu « Sấm sần nếp-ừ » ở chỗ, Vũi nông một năm mợc đầu cở hoa », kinh bản chép là « Vũi nông một năm » và chưa rằng « Chử vũi lộng » ở bản, chép ở vũi, nông cũng t'ông; nhưng câu này có những chữ « ừ, c'ầu, lộng » là những văn l'ệu của làng thơ: cũ như tở, thì chữ vũi lộng bay hơn.

— Các bản đều viết: « L'ong đầu sần môn thương tâm, T'at nghe Kiều c'ả đ'âm-đ'âm châu sa ». Chữ « môn » ở câu trên, ph'ong bản chép là « m'oi », nghe cũng được. Còn chữ « thoát » ở câu dưới, quốc ngữ mới (tr. 23) in là « thoát » thì sai, nhưng dĩ-h chữ tây là « mới » (à pe né) thì đúng.

— Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr. 14) chép: « Pau-phang chi m'ay, hóa-c'ong ? Ngày xan môn m'oi má l'ong phoi-phai ». Chữ « m'ay » ở đây nghĩa là bao nhiêu; vì tiếng nôm của ta hay lẫn, nên K'ien Văn Kiều chú viết là chữ « mới » ph'ong-bản in là chữ « với », quốc-ngữ mới (tr. 24) in là chữ « b'ấy ». « Mới » và « với » thì sai.

— Câu « Sống làm vợ khắp người ta, Khéo hay thác xuống làm ma không chồng », các bản chú-thích đều chưa rằng: « Câu ấy có câu thơ chữ: Sinh vi vạn nhân thố, tử tác vô phu quĩ, nghĩa là sống làm vợ muôn người, chết làm quĩ không chồng ». Nhưng chữ

Muốn làm giàu mua vé số

Dòng Đương

2\$00 một vé

ĐẠI NAM DẬT SỰ

35 53

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

xxxiv — Lý - Thái - tông
(bái nối.).

Lý Thái-tông đánh được Chiêm-thành năm 1044, hạn công định thưởng và cho những người Chiêm-thành đã bắt sống đem về nước ta, được theo lệnh cũ đặt thành từng làng từng ấp mà ở. Trong sử chỉ chép như thế, không thấy nói những dân ấy về sau ra sao; nhưng xem như tục lệ nay, thì dân bà nước ta không chịu lấy người nước kém: Cứ như vậy, có lẽ những dân ấy không đồng-hóa với dân ta, cho đến đến đời Lý Thánh-tông lại có việc đi đánh Chiêm-thành năm 1069.

Xem trận đánh lần trước về năm 1044, thì biết nước ta hồi ấy không có tham vọng gì đến đất đai của các nước xung quanh, chỉ khi nào các nước ấy không chịu thần-phục, mới phải ra quân. *Khâm-định Việt-sử* (q. 2, tờ 19 a-

« khắp » ở câu trên, kinh-bảng in là chữ « xấp » cũng có nghĩa, bởi vì « vợ xấp » tức là vợ tạm. Còn hai chữ « khéo hay », ở câu dưới, quốc-ngữ viết là « hai thay » là nhầm ở chữ « hai » chữ « hay » hơi giống nhau; chữ « hay » và chữ « thay » chỉ viết theo chữ « hai » rồi người đọc đoán lấy.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

b và 11 a-b) chép tháng chín năm (1044), Lý Thái-tông đi đánh Chiêm về, báo tin thắng trận ở nhà Thái-miền... Đến tháng mười một, bề-tôi dâng tôn-hiệu là « Thánh-dực thiên-cảm tuyên-hóa thánh-vũ » (bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 36 a, chép là tuyên-uy), nhân xin đổi tôn-hiệu là « Thiên-cảm thánh-vũ »: vua Lý Thái-tông nghe theo. Thế là từ tháng mười năm giáp-thân (1044) trở lên là năm thứ ba hiệu Minh-đạo, từ tháng mười một trở đi là năm thứ nhất hiệu Thiên-cảm thánh-vũ.

Cách bốn năm, đến việc đánh Lào. Sử chép « Năm mậu-tý (1048), mùa xuân tháng chín, Lý Thái-tông sai tướng quân là Phùng-trí Năng đi đánh Ai-lao, bắt được người và súc vật rất nhiều đem về » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 36 b).

Những việc đánh nước ngoài như thế, còn những việc ở trong nước thì có việc « binh Nhung » là to nhất, nay chép như sau này :

« Năm thứ năm hợi Thông-thủy (1038) tháng mười hai, thủ lĩnh châu Đàng-do là Nhung-lôn - Phúc làm phản » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 42 b).

« Nguyên Nhung-lôn-Phúc người đất Tưng-can, thuộc động hoặc châu Thanh-an làm thủ-lĩnh châu Đàng-do (thuộc địa-hạt, Cao-bằng

và Lạng-sơn) cùng em là Nhung-lôn-Lộc làm thủ-lĩnh châu Vạn-nhai (nay là châu Văn-nhai, thuộc tỉnh Thái-nguyên). Vợ Tồn-Phúc là A-Nùng. Em A-Nùng là Dương-Đạo làm thủ-lĩnh châu Vũ-lặc (thuộc địa-hạt Cao-bằng và Lạng-sơn) đều thuộc vào châu Quảng-nguyên (về đời Lý thì Đàng-do Vạn-nhai, Vũ-lặc đều thuộc Quảng-nguyên, nay là châu Quảng-uyên thuộc tỉnh Cao-bằng). Hằng năm nộp đồ thổ-sản theo lệ cống. Về sau tức là trước năm (1038) Nhung-lôn-Phúc giết Tồn-Lộc (em ruột) và Dương-Đạo (em vợ), lấy cả đất hai châu ấy, tiến xưng Chiêu-thánh hoàng-đế, lập A-Nùng làm Minh-đức hoàng-hậu phong con là Nhung-Ti Thông làm Nam-nha-vương, dời châu Quảng-nguyên làm nước Tráng-sinh, sửa sang áo giáp và binh-linh đóng chặt thành giữ « đối đất, không đem cống ti thổ-sản và xưng thần nữa » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 26 a-b).

Đến « tháng giêng năm lý-mất » (1039) thủ-lĩnh ở Tây-nông (nay là huyện Tư-nông, thuộc tỉnh Thái-nguyên) là Hà-văn-Trình đem việc Nhung-lôn-Phúc làm phản, tâu vua Lý Thái-tông nghe. Tháng hai năm ấy, vua Lý Thái-tông tự làm tướng đi đánh Nhung-lôn-Phúc, cho Khai-hoàng-vương là Nhật-tôn coi việc nước, ra quân từ kinh-thành Thăng-long qua bến Đò Lành Lành, có cá trắng nhảy vào thuyền (1), đi đến châu Quảng-nguyên, dừng thuyền hạ trại. Tồn-Phúc nghe tiếng đem bộ-lục và vợ con vào trốn ở trong rừng núi: Vua cho quân đuổi theo, bắt sống được Tồn-Phúc
(Xem tiếp trang 22)

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

« Khiến nhân lòng An-Tư công-chúa
 cứu Thoát-Hoàn, đặc thư quốc nân đã. »
 (Đại Việt sử-ký toàn-thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 27

Trong khi ấy thì các tráng sĩ Đại Việt tập nập sửa soạn. Chưa biết ai được đi, nhưng ai cũng tưởng như sắp được nhẹ gánh quân ân, và sắp được dịp trở lại cùng quân giặc.

Nhất là quân bản bộ của Chiêu Văn Vương, quân Tinh-cương và sáu trăm trai của Hoài Văn Hầu thì lại càng sôi nổi.

Chiêu thành Vương đã mấy lần muốn vào yết kiến Hưng-Đạo-Vương để xin đi đánh mà không được vào. Bấy giờ chánh tướng đã chọn rồi, nhưng Quốc công chưa cử ai đi giúp Chiêu Văn Vương. Người ta xì xào nói đến Chiêu thành Vương, đến Hoài Văn Hầu, đến tướng quân Nguyễn Khoái. Chiêu thành Vương thì hồi-hộp nhất. Thủ đoạn lấy lòng của Phạm Ngũ Lão làm cho Vương ghen tức bao nhiêu, thì cái ý ra Bắc để cứu người yêu lại làm cho Vương hi vọng bấy nhiêu. An Tư đi, đã hơn một tháng trời; tin tức về nàng không có mấy, chàng vẫn hằng ngày nóng ruột, không biết nàng ra sao. Ở giữa bang bầm, đã đành là tiết

trình của nàng chẳng vẹn, nhưng liệu nàng có toàn tính mệnh để đợi chàng không? Đêm đêm chàng thương giết mình để cho số phận người yêu, nhả là mấy bữa gần đây, nghe tin bệnh dịch tả đã bắt đầu phát ở kinh thành, chàng ngồi đứng không yên: chiếc thân đào tơ liễu yếu, mà bao nhiêu nguy hiểm quanh mình! Chàng chỉ mong chóng chóng được kéo quân ra Bắc, dáo mình trong rừng gươm giáo, liền vào chỗ nàng bị giam cầm. Miễn là cứu được nàng, ra khỏi tròng ví, thì muốn tròng ngăn cản, muốn bày hiềm nghèo chàng cũng vượt hết.

Các tráng sĩ mong mỗi ngày xuất trận một thì chàng mong mỗi mười. Nhiều đêm, những người thân tín thường bắt gặp chàng nói trong mơ:

— An Tư công chúa! Chạy đây ư? Đợi tôi ra đánh tháo cho công chúa!

Chờ đợi bao lâu, nay đã đến ngày, chàng lại thêm cái lo không biết Quốc công có cử mình đi không? Chàng tự nhủ: « Có lẽ nào, ta lại không được đi? Quốc

công đã biết cảnh ngộ ta, Quốc công chắc cho ta theo Chiêu Văn Vương, không khi nào Quốc công lại nỡ giữ ta. Không khi nào cả. »

Cho nên chàng sẵn sàng nhất. Chàng cứ đưa theo từ trại mình đến dinh Quốc công. Nhưng chỉ thấy cửa dinh đóng im lìm. Quốc công vẫn còn hội đàm với Chiêu Văn Vương. Chắc hai vương đang cãi cự những tướng sĩ. Dương lúc nghe ngóng, chợt thấy Trần Quốc Toàn, nhanh như cái còi, tươi như bông hoa, chạy lại, hỏi:

— Cháu đã biết tin tức gì chưa?

Vương năm đó, kiểm, hồi hộp:

— Chưa? Việc gì? Tôi có được...

— Cháu được đi rồi.

— Thế à? Sao biết? Còn tôi?

— Hình như có.

Vương nhảy lên:

— Sợng quá! Thực không? Tôi chỉ sợ không được đi.

— Cháu cũng thế. Nhưng mới nghe thấy đồn thế thôi. Cháu đừng nói ra, việc quân nhà Quốc công...

— Tôi biết rồi. Phải.

Tuy vậy, Vương không giấu nổi cảm động. Vương hấp tấp chạy về trại báo quân sĩ sửa soạn. Mừng quá, Vương không nói nên lời. Chợt có quờng lệnh của Quốc công với Vương lên. Đang dọn đồ mời người, Vương bỏ đấy, theo sứ đi ngay. Tới nơi, đã thấy đông đủ các tướng tá trước sân dinh. Tất cả Vương đứng nép bên Hoài Văn Hầu khi ấy đang mãi nhìn lên trời. Bốn bề im lặng. Quốc công bỗng truyền ra: « YUONH... »

— Triều đình đã cử Chiêu Văn Vương làm chánh tướng ra Bắc. Ta lại nhờ được Triệu tướng quân giúp sức đánh Toa Đô.

Trong ban trước kia, ta đã tin cử tướng quân Nguyễn Khoái, Hoài Văn Hầu và Chiêu Thành vương làm tiền hô hậu phong. Cơ khôi phục non sông đã tới. Các người là những người tâm huyết, ngày đêm mài gươm mài kiếm, đây là lúc nỗ lực hi sinh cho quốc gia. Đừng được giặc hay không, ta trông cậy vào trận này. Các người đừng nên phớt lờ ta từ cần.

Các tướng còn đang nhìn nhau, Chiêu Thành vương đã nhanh nhẩu bước ra thưa :

— Quốc công đã có lòng tin cho chúng tôi đi trước anh em, thực là vinh hạnh cho chúng tôi. Trước mặt Quốc công chúng tôi xin thề tử chiến : nếu không thắng được trận này, chúng tôi xin gửi đầu về tạ tội về Quốc công.

Ngay hôm đó Chiêu-văn vương khởi hành, kéo binh thuyền ra Bắc. Vương dự tướng sĩ :

— Ta trông Quan-gia, Quốc công và mọi người, nét mặt ai nấy đều tớn hở. Ta đoán là có tin mừng. Từ ngày thua ở Khả-Li-Lặc-Châu, chúng ta nằm gai nếm mật, bây giờ ta mới lại được cùng chúng giao chiến. Quân giặc đã đến buổi vận cùng. Các người mong quyết trận, đây đã đến ngày quyết hận. Các người nên cố một phen, để cái tiếng của đoàn quân ta vang lừng trong trận này. Ta có đoàn ca

trữ, những người vào đây nay cũng như nguyên theo ta ra Bắc để hát mừng quan quân ngày thắng trận. Các người đừng để hổ chột cười.

Mọi người đều nói :

— Khẩu yếm còn bắt nghĩ thế, huống chi bọn râu mày chúng tôi.

— Chúng tôi được theo vương, như đã cầm sẵn chiến thắng trong tay. Đại vương không phải một tên quân, bình định nước loạn Tĩnh-gốc. Mặt thì Đại vương cũng chắc thắng được Toa-Đô. Chúng tôi quyết không phụ lòng chỉ em.

Sau Quốc công Hưng-Đạo, vương là người được quốc-dân trọng nhất : có cái đảm lược ôn hòa, vương đã được ví dưng như Quan Vũ và Lạn Tương Như. Vương tính thông thạo lược đã từng đề tựa như cuốn *Binh thư* của Hưng Đạo Vương. Nhưng vương không ưa chiến tranh, chỉ thích học các tiếng nước ngoài. Vương muốn làm nhà bá-ngữ hơn làm rang võ vương. Vậy mà khi cầm quân thì không ai mau lẹ, táo bạo như vương. Trước khi ra Bắc, Vương gọi vợ con bày ghi ngày vương ra đi làm ngày cúng giỗ để tỏ cho mọi người cái ý quyết hệ với quân thù.

Dưới quyền chỉ huy của một đại tướng đã có một huân công kỳ lạ và có những đức tính làm mê lòng người như thế. Các tướng sĩ kéo binh thuyền ra Bắc mất anh hùng đảm đảm như khoát phục cả những cơn sóng bạc đầu...

Trong khi ấy, ở Thanh Hóa người ta sông trong cơn sốt rét dợt chờ. Ngay ngày đã nổi nhau qua đi, vô vị và lạnh lùng. Bên ngoài khơi vẫn rêu, và cái nóng như người đã làm etua khắp nơi. Hoàng và các cung tần phi chúa, thì đi lễ các đền chùa, cầu nguyện các đấng linh thần ủng hộ đoàn quân của Đức ông Tư Thượng hoàng và vua Triệu-bảo cũng tỏ ý sốt ruột, ngày nào cũng đều hỏi ý kiến Hưng Đạo Đại vương tâu :

— Xin Thượng hoàng và Quan-gia cứ yên tâm. Lão phu liệu thế giặc, xin cam đoan rằng trận thắng về ta. Chỉ vài hôm nữa có tin mừng.

(Còn nữa)
NGUYỄN-HUY TƯỜNG

Mỗi người bị ức hiếp và lợi dụng

Bạn ơi ở quê cũ g như ở tỉnh cần phải hiểu rõ pháp luật, không kể đã lập gia đình hay chưa.

Pháp luật về phụ nữ có những mục này : Lễ ước-hôn và lễ kết hôn. Sự tự do ly dị : Thỉnh-tặc sự ly dị hiện-lực cũ và ly-dị, khi ra ở riêng. Tình-cảnh nợ nần góa-bụa. Tình-cảnh người chưa hoang vì nhẹ tin. Người vợ và quyền thừa-kế.

Sách dày, ngót 200 trang, giấy táy, giá 4\$ kể cả cước phí. Tác-giả : Phan-V-Tiến, luật-khoa cử nhân, mua sách xin gửi thư và mua đại cho An-Ngọc-Phụng Kiosque Thanh-Tao (Vi h).

ĐÓN COI: SẼ RA ĐẶC SẢN TRI TÂN VỀ

Việt-nam giải phóng

Hội-họa Việt-nam...

(Tiếp theo trang 5)

một thuyết về y-học hay triết-học vậy. Họ đi tìm củi trủ chân ở tận đầu đầu mà chính đất mìn vẫn còn bỏ hoang đại. Minh còn nhiều ruộng dầm mầu tươi, mầu tốt, đầy ứ một chất nhựa sống chỉ chờ cơ hội của những luồng cây sâu, để nở những mầm gặt mồi. Sợ ta không hy-vọng tìm ở chính ta, hơn người hăng chính cái cá-tính của ta có hơn không? Anh có thể tin được không là người ta tin tưởng sự thành công khi đã tìm được nghệ-thuật một cái diệp tuyệt đối.

Chắc anh cũng như tôi đều mong rằng hội-họa không dùng để làm bài học triết-lý cũng như sẽ thành vô-ích khi đem vào một công việc trực tiếp với xã hội. Một bức tranh là những cảnh anh đồng, hùng-hiền, những việc to tát của nhân-loại mà không đạt được cái « đẹp hội-họa » có phải là một bức tranh « được » đâu. Cái đẹp nó rung động ở đường nét, ở hình thể, màu sắc một vật; cái cao siêu, anh được cũng ở đấy mà ra, chứ đâu phải ở những cảnh to lớn bày ra trước mắt.

Sau, này, nếu có thì giờ, tôi sẽ nói truyện với anh nhiều, anh là

Những việc lịch-sử

— Hủy bỏ hiệp ước Patenôtre. —
Mùng 6 tháng sáu 1884, Pháp Nam ký một bản hiệp ước gọi là « hiệp ước Patenôtre ». Do hiệp-ước ấy người Pháp đặt cuộc bảo hộ ở đây.

Ngày 11 tháng ba 1945 vua Bảo Đại tuyên-bố hủy-bỏ bản hiệp-ước ấy nước Việt-nam hoàn toàn độc lập.

Thế là bản hiệp ước 1884 từ đây mất hiệu lực, không còn hiệu lực gì trước luật quốc-tế nữa.

Hòa-bình, — Núi Yên Tử, anh Lê Cẩm, Nhật, đến 1...

Hà Nội, — Hòa-bình, anh lấy...
đây, các binh lính...
đều hàng phục...
trời viên giám-bình...
không phải một viên đạn, hạ được Hòa-bình.

T. T.

DÍNH CHÍNH

T. T. s. 31, trang 17, cột 3, chỗ chưa chép là: « Đảng phái độc là thất bại đúng ».

về khoa học và văn hóa cách trang hoàng... và trước khi làm...
này, tôi mạn phép hỏi anh...
rằng... có phải đề trang-hoàng hay không?

Trại Rời, một mùa đông
NGUYỄN VĂN TỶ

ĐẠI NAM DẬT SỬ

(Tiếp theo trang 17)

Phúc và bọn Tri thông năm người (duy vợ Tôn-Phúc là A-Nùng và con là Tri-Cao chạy thoát), đóng chi bọn Tôn-Phúc đưa về kinh-sư. Sai quân sĩ san phẳng thành-trị, chiêu dụ nhân dân, rồi thu quân về. Đến tháng ba, từ Quảng-nguyên về đến kinh-đô, sai đem chém bọn Tôn-Phúc ở đô-lôi, tức kẻ chợ kinh-đô (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2 (tờ 25 b)).

(Còn nữa)

Ứng-hiệp NGUYỄN VĂN TỶ

Giới thiệu

Chúng tôi được tin bạn đồng-nghiệp Thông Tin đã tại bản báo ngày 1er 4 1945 do ông Hoàng-Chử chủ nhiệm và các ông Trịnh Như-Lân, Nguyễn Văn An ở tư trị sự, Toà báo ở 274 phố Huế Hà Nội.

Xin có lời mừng bạn đồng-nghiệp được hoàn ngành và giới thiệu cùng các bạn.

Bá cáo

Kể từ 1er tháng 3 1945 ông Trịnh Như-Lân thôi không làm giám-đốc nhà in Tri Tân nữa. Xin các bạn đừng lầm nhà xuất bản Trịnh Như-Lân với ty xuất bản của bạn chi.

Ái có việc gì muốn hỏi ông Như-Lân xin lại nhớ rằng ông ở 121 Chan ceahme Hanoi.

T. T.

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Đã nghỉ đăng ngày 8 tháng hai năm 1944

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tiến-Đức

Nhà in Tri-Tân số 80-87 Quancai, Hanoi